

Số: 27 /TB-DHTDM

Bình Dương, ngày 21 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019
(Bằng phương thức Xét học bạ năm lớp 12)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (Không phân biệt năm tốt nghiệp).

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Điểm sàn):

Có tổng điểm trung bình (điểm cả năm) năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ **15 điểm trở lên**. (Đối với ngành Giáo dục Tiểu học và ngành Giáo dục Mầm non yêu cầu phải có học lực năm lớp 12 đạt loại giỏi. Đối với ngành còn lại không yêu cầu học lực).

Ví dụ:

- Thí sinh ĐKXT ngành Kế toán chọn tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa). Có điểm tổng kết cả năm các môn trong học bạ năm lớp 12 như sau: Toán (5 điểm); Lý (5 điểm); Hóa (4,75 điểm). Thí sinh thuộc khu vực 2 (được cộng 0,25 điểm).

- Công thức tính như sau: Điểm xét tuyển = Toán (5 điểm) + Lý (5 điểm) + Hóa (4,75 điểm) + điểm khu vực 2 (0,25 điểm) = 15 điểm, thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển.

4. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 30% tổng chỉ tiêu của từng ngành.

5. Chế độ cộng điểm ưu tiên:

Trường vẫn thực hiện cộng điểm ưu tiên khu vực và điểm đối tượng ưu tiên vào phương thức xét học bạ;

- Khu vực 1 (0,75 điểm); khu vực 2NT (0,5 điểm) khu vực 2 (0,25 điểm), khu vực 3 (không được cộng điểm)

- Đối tượng ưu tiên 01 – 04 (2 điểm); Đối tượng ưu tiên 05 – 07 (1 điểm);

6. Nguyên tắc xét tuyển:

Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ, Trường đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành xét tuyển. Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu (Điểm trúng tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có), không nhân hệ số).

7. Các môn thi năng khiếu:

- Đối với tổ hợp có môn năng khiếu do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức thi.

- Ngày thi năng khiếu: 06/7/2019.

+ Thí sinh chọn tổ hợp V00, V01 của các ngành Kiến trúc, Quy hoạch Vùng và Đô thị, Thiết kế Đồ họa; Môn thi năng khiếu: Vẽ tĩnh vật.

+ Ngành Giáo dục Mầm non; Môn thi năng khiếu: Hát - múa; đọc - kể chuyện diễn cảm.

- Đối với các thí sinh dự thi năng khiếu tại các Trường đại học khác, khi nộp hồ sơ ĐKXT phải nộp thêm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu của Trường mà thí sinh đã dự thi năng khiếu, phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển.

II. THỜI GIAN VÀ THỦ TỤC NỘP HỒ SƠ

- 1. Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT:** Từ ngày 25/5 đến ngày 14/7/2019.
- 2. Hình thức nộp hồ sơ:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.
- 3. Số lượng nguyện vọng ĐKXT:** Mỗi thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng và xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.
- 4. Hồ sơ ĐKXT bao gồm:**
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Trường đại học Thủ Dầu Một – Mẫu 03);
 - + Chứng minh nhân dân: 01 bản photocopy (không cần công chứng).** Lưu ý:* Chưa cần nộp học bạ và bằng tốt nghiệp THPT, sau này nhập học Trường mới yêu cầu nộp và đối chiếu sau.
- 5. Lệ phí xét tuyển:** 30.000 đồng/1 nguyện vọng.
- 6. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển:** 15/7/2019.
- 7. Thời gian nhập học:** Từ ngày 23/7 đến ngày 27/7/2019.

III. HƯỚNG DẪN CÁCH NỘP HỒ SƠ

Bước 1: Tải mẫu phiếu tại Website <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn>

Bước 2: In phiếu ra và điền đầy đủ thông tin trong mẫu phiếu, photocopy thêm CMND.

Bước 3: Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Thí sinh chọn 1 trong 2 cách sau:

+ Cách 1: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Đối với các này, thí sinh không cần chuẩn bị trước Phiếu đăng ký xét tuyển, đến đây Trường sẽ phát phiếu để thí sinh điền vào, thí sinh chỉ cần chuẩn bị 01 bản photocopy CMND và lệ phí 30.000đ.

+ Cách 2: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện. Thí sinh ghi đầy đủ thông tin vào phiếu, kèm theo 01 bản photocopy CMND và lệ phí xét tuyển, bỏ vào 1 bì thư, ghi địa chỉ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6, đường Trần Văn Ôn, p. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3835.677- 0274.3844.340 – 0274.3844341

Đi đến bưu điện gần nhất để gửi bằng hình thức chuyển phát nhanh về cho Trường đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** trungtamtuensinh@tdmu.edu.vn

Điện thoại: 0274.3835.677- 0274.3844.340 – 0274.3844341

Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhTDMU

Hotline: 0911.022.322

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bình Dương;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.



CÁC NGÀNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019
(Bảng phương Xét học bạ)

(Kèm theo Thông báo số 27 /TB-ĐHTDM, ngày 21 tháng 5 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường đại học Thủ Dầu Một)

Stt	Ngành học	Mã Ngành	Tổ hợp môn ĐKXT	Chỉ tiêu
1	Kế toán	7340301	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	250
2	Quản trị Kinh doanh	7340101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	250
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	150
4	Quản lý Công nghiệp	7510601	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01)	100
5	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01)	80
6	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01)	60
7	Kỹ thuật Điện	7520201	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01)	170
8	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Vật lí, Ngữ văn (C01)	60
9	Kỹ thuật Phần mềm – Công nghệ Thông tin	7480103	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01)	200
10	Hệ thống Thông tin – Công nghệ Thông tin	7480104	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01)	100
11	Kiến trúc	7580101	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	80
12	Thiết kế Đồ họa	7210403	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	50
13	Công nghệ Chế biến Lâm sản (Kỹ nghệ gỗ)	7549001	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) - Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	50

14	Quy hoạch Vùng và Đô thị + Quy hoạch Đô thị + Quản lý Đô thị	7580105	-Toán, Vật lí, Năng khiếu (V00) -Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (V01) -Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	100
15	Toán học	7460101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Hóa học, tiếng Anh (D07)	75
16	Vật lý học	7440102	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01)	75
17	Hóa học	7440112	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00) -Toán, Hóa học, tiếng Anh (D07)	100
18	Sinh học Ứng dụng	7420203	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Vật lí, Sinh học (A02) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	50
19	Khoa học Môi trường	7440301	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	150
20	Quản lý Nhà nước	7310205	-Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	200
21	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	100
22	Quản lý Đất đai	7850103	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	50
23	Luật	7380101	-Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	350
24	Ngôn ngữ Anh	7220201	-Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) -Ngữ văn, Địa lí, tiếng Anh (D15)	350
25	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	-Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Địa lí, tiếng Anh (D15) -Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	250
26	Chính trị học	7310201	-Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	50
27	Quốc tế học	7310601	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	50
28	Tâm lý học	7310401	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh (D14) -Toán, Sinh học, Hóa học (B00)	50
29	Công tác Xã hội	7760101	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh (D14)	50
30	Văn hóa học	7229040	-Toán, Ngữ văn, GDCD (C14) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	50

31	Văn học	7229030	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)	50
32	Địa lý học	7310501	-Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Lịch sử, Địa lí (A07) -Ngữ văn, Địa lí, tiếng Anh (D15)	50
33	Lịch sử	7229010	-Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, GDCD (C14)	50
34	Giáo dục học	7140101	-Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01) -Toán, Ngữ văn, GDCD (C14)	50
35	Giáo dục Mầm non	7140201	-Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (M00)	50
36	Giáo dục Tiểu học	7140202	-Toán, Vật lí, Hóa học (A00) -Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) -Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (D01)	150



PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(Dành cho Phương thức xét học bạ THPT)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới tính.....

2. Ngày, tháng và năm sinh

(Nếu ngày và tháng nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 đầu ô)

Ngày

Tháng

Năm

3. a) Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố).....**b) Dân tộc**.....

4. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (ghi mỗi chữ vào một ô)

5. Hộ khẩu thường trú:

Mã tỉnh (Tp)

Mã huyện (quận)

Mã xã (phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng ô sau:

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi rõ tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh (thành phố) và ghi rõ mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

7. a) Năm tốt nghiệp THPT

b) Xếp loại học lực năm lớp 12.....

Mã tỉnh (Tp)

Mã Trường

8. Đối tượng ưu tiên: Thuộc đối tượng nào khoanh tròn vào đối tượng đó: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07

9. Khu vực ưu tiên: Thuộc khu vực nào khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1, KV2-NT, KV2, KV3

10. Điện thoại di động:.....**Email**.....

11. Địa chỉ liên hệ:.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Số báo danh thi THPT Quốc gia 2019 (Nếu có)

Thứ tự	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Tên môn tổ hợp và điểm năm lớp 12
01				Tên môn 1.....Điểm.....
				Tên môn 2.....Điểm.....
				Tên môn 3.....Điểm.....
				Tổng điểm (Không tính điểm ưu tiên)
02				Tên môn 1.....Điểm.....
				Tên môn 2.....Điểm.....
				Tên môn 3.....Điểm.....
				Tổng điểm (Không tính điểm ưu tiên)

C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKXT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỮ KÝ CỦA THÍ SINH